TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 28 – 12 – 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 408/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 475/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 447/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1971

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A/B, đường N, khóm C, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang. Địa chỉ hiện nay: Số D, đường H phường K, thành phố X, An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số A/B, đường N, khóm C, phường L, thành phố X, An Giang .

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Phạm Thị Lệ T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 tự tìm hiểu hơn 02 năm. Ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26/4/1993 tại UBND phường L. Hôn nhân lần thứ nhất của cả 2. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T1 thay đổi tính tình, sa ngã vào cờ bạc, ăn nhậu bê tha, không còn quan tâm, chăm

sóc gia đình, không quan tâm đến kinh tế gia đình. Do ông T1 thường xuyên say, khi tỉnh thì lánh mặt vợ con và có thái độ cáu gắt nên vợ chồng không có cơ hội ngồi lại trao đổi, tâm sự, góp ý. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không còn sự cảm thông, chia sẻ. Bà và ông T1 tự ly thân hơn 07 năm qua. Khoảng 03 năm trước, ông T1 có gửi đơn ly hôn nhưng bà không đồng ý vì bà còn thương chồng, thương con và sau đó thì ông T1 rút yêu cầu. Tuy nhiên, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà mong muốn được ly hôn. Ông T1 biết bà gửi đơn ly hôn vì bà nghe em gái của ông T1 là Trần Thị Mỹ T2 nói lại đã giao các thông báo của Tòa án cho ông T1. Bà Trần Thị Mỹ H là chị hai của ông T1. Ông T1 hiện nay đi làm thuê ở Thành phố H, thường xuyên về thăm gia đình và ở tại căn nhà của T2. Nhà của em T2, chị H và nơi vợ chồng bà đăng ký hộ khẩu thường trú là sát nhau, cùng chung khu đất của cha mẹ chồng để lại.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con tên Trần Minh Đ sinh ngày 17/3/21994 (chết ngày 31/01/2021) và Trần Minh P sinh ngày 06/10/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Minh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do hôn nhân giữa các bên không còn tồn tại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết do cháu Trần Minh P đã trưởng thành và có khả năng lao động. Phía ông T1 không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Lệ T và ông Trần Minh T1 là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, theo xác nhận của Công an phường L thể hiện, ông T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A/B, đường N, khóm C, phường L, thành phố X, đã đủ cơ sở để xác định ông T1 có nơi cư trú hợp pháp là địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông T1 tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Bà T có đơn đề ngày 27/12/2022 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Lệ T và ông Trần Minh T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường L cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 23/2013 ngày 26/4/1993, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà T cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và tự ly thân hơn 04 năm qua. Nguyên nhân do ông T1 cờ bạc, ăn nhậu bê tha, không còn quan tâm, chăm sóc gia đình, không quan tâm đến kinh tế gia đình. Phía ông T1 được Tòa án nhiều lần triệu tập, tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông T1 vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà T và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông T1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, bà T và ông T1 không còn quan tâm lẫn nhau, mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã không còn tồn tại từ lâu và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông T1.

[6] Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 82/2013 ngày 08/4/1994 và số 413/2013 ngày 19/10/2004 đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, bà T và ông T1 có 02 (hai) con chung tên Trần Minh Đ sinh ngày 17/3/1994 (chết ngày 31/01/2021) và Trần Minh P sinh ngày 06/10/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000799 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Lệ T được ly hôn ông Trần Minh T1.

- Về con chung: Ông, bà có 02 (hai) con chung tên Trần Minh Đ sinh ngày 17/3/1994 (chết ngày 31/01/2021) và Trần Minh P sinh ngày 06/10/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000799 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T và ông T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND p. L;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND p. Mỹ Thới;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh